

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP
VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍ**

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2010**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 24



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍ

Số 35D đường 30/4, thành phố Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Trọng Kha	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Đông	Ủy viên
Ông Hồ Sỹ Hoàng	Ủy viên
Ông Bùi Văn Đẩu	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2010)
Ông Mai Xuân Bình	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 14 tháng 2 năm 2010)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Hồ Sỹ Hoàng	Tổng Giám đốc
Ông Hà Quốc Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Minh Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Khoa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Văn Đẩu	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2010)
Ông Phạm Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 6 tháng 4 năm 2010)
Ông Nghiêm Trung Minh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 7 tháng 5 năm 2010)
Ông Ngô Văn Tuy	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2010)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Hồ Sỹ Hoàng
Tổng Giám đốc

Ngày 03 tháng 3 năm 2011

Số: 2015 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”), từ trang 3 đến trang 24. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Chúng tôi xin lưu ý:

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 29, Công ty chính thức được chuyển sang công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 12 năm 2009, do đó số liệu báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 12 năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009 được trình bày cho mục đích tham khảo, không phải là số liệu so sánh.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 03 tháng 3 năm 2011
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Ngô Trung Dũng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0784/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍ

Số 35D đường 30/4, thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		868.736.798.965	594.441.949.595
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	177.145.237.170	34.431.376.854
1. Tiền	111		132.145.237.170	34.431.376.854
2. Các khoản tương đương tiền	112		45.000.000.000	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		441.822.042.356	385.544.440.167
1. Phải thu khách hàng	131		207.345.351.006	167.939.698.111
2. Trả trước cho người bán	132		158.926.318.644	16.815.086.044
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	6	79.226.863.733	202.363.637.943
4. Các khoản phải thu khác	135		3.313.013.291	599.483.135
5. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(6.989.504.318)	(2.173.465.066)
III. Hàng tồn kho	140	7	246.203.189.243	168.484.670.262
1. Hàng tồn kho	141		246.203.189.243	168.484.670.262
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.566.330.196	5.981.462.312
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	2.691.968.509
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		3.566.330.196	3.289.493.803
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 250 + 260)	200		174.473.316.944	48.576.768.243
I. Tài sản cố định	220		99.863.210.720	31.929.262.132
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	56.721.952.354	31.929.262.132
- Nguyên giá	222		99.523.443.763	74.210.350.223
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(42.801.491.409)	(42.281.088.091)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	43.141.258.366	-
- Nguyên giá	228		43.536.700.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(395.441.634)	-
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		46.120.000.000	10.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	10	6.120.000.000	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	11	10.000.000.000	10.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	12	30.000.000.000	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		28.490.106.224	6.647.506.111
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	28.490.106.224	6.647.506.111
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.043.210.115.909	643.018.717.838

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍ

Số 35D đường 30/4, thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		726.317.133.424	590.489.871.367
I. Nợ ngắn hạn	310		705.340.075.667	583.034.231.900
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	86.022.378.150	30.000.000.000
2. Phải trả người bán	312		257.190.765.364	193.426.401.183
3. Người mua trả tiền trước	313		216.698.312.568	231.071.825.070
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	27.292.511.532	16.752.633.458
5. Phải trả người lao động	315		18.099.893.510	11.513.250.277
6. Chi phí phải trả	316	16	43.277.795.055	23.248.291.973
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	51.283.087.603	78.616.272.194
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		5.475.331.885	(1.594.442.255)
II. Nợ dài hạn	330		20.977.057.757	7.455.639.467
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		300.970.192	328.153.542
2. Dự phòng phải trả dài hạn	337	18	20.676.087.565	7.127.485.925
B. NGUỒN VỐN	400		316.892.982.485	52.528.846.471
(400 = 410)				
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	316.892.982.485	52.528.846.471
1. Vốn điều lệ	411		300.000.000.000	50.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		7.045.926.437	-
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.522.963.219	-
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		6.324.092.829	2.528.846.471
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.043.210.115.909	643.018.717.838

Hồ Sỹ Hoàng
Tổng Giám đốc

Nguyễn Duy Hưng
Kế toán trưởng

Ngày 03 tháng 3 năm 2011



Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D đường 30/4, thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ hoạt động từ 01/12/2009 đến 31/12/2009	
			2010	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	1.701.231.414.055	93.542.767.752
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		1.701.231.414.055	93.542.767.752
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	21	1.542.981.155.943	85.441.139.842
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		158.250.258.112	8.101.627.910
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	10.770.688.729	39.577.512
7. Chi phí tài chính	22		9.925.879.780	359.950
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9.925.879.780	359.950
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		64.059.578.550	4.933.239.207
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		95.035.488.511	3.207.606.265
11. Thu nhập khác	31		9.357.980.727	164.189.030
12. Chi phí khác	32		14.381.544.589	-
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	23	(5.023.563.862)	164.189.030
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		90.011.924.649	3.371.795.295
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	22.502.981.162	842.948.824
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		67.508.943.487	2.528.846.471
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	2.567	506

Hồ Sỹ Hoàng
Tổng Giám đốc

Ngày 03 tháng 3 năm 2011

Nguyễn Duy Hưng
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D đường 30/4, thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MÃ SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

Kỳ hoạt động từ

01/12/2009 đến

31/12/2009

CHỈ TIÊU

Mã số

2010

I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Lợi nhuận trước thuế**

01

90.011.924.649

3.371.795.295

2. Điều chỉnh cho các khoản:

- Khấu hao tài sản cố định

02

7.793.903.080

707.186.072

- Các khoản dự phòng

03

4.816.039.252

1.289.927.530

- (Lãi) từ hoạt động đầu tư

05

(13.792.095.570)

-

- Chi phí lãi vay

06

9.925.879.780

359.950

3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động

08

98.755.651.191

5.369.268.847

- (Tăng)/giảm các khoản phải thu

09

(65.363.123.255)

85.992.704.245

- (Tăng) hàng tồn kho

10

(77.718.518.981)

(48.211.758.661)

- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)

11

66.694.057.316

(7.958.714.311)

- (Tăng) chi phí trả trước

12

(18.978.713.439)

(1.801.204.190)

- Tiền lãi vay đã trả

13

(9.056.004.775)

(359.950)

- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp

14

(17.921.994.594)

(286.726.019)

- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh

16

-

(4.000.000)

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh

20

(23.588.646.537)

33.099.209.961

II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác**

21

(24.075.400.772)

-

2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác

22

3.839.181.819

-

3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

25

(36.120.000.000)

-

4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia

27

7.894.580.396

39.577.512

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư

30

(48.461.638.557)

39.577.512

III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của các cổ đông**

31

158.741.767.260

-

2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được

33

209.321.628.150

-

3. Tiền chi trả nợ gốc vay

34

(153.299.250.000)

-

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính

40

214.764.145.410

-

Lưu chuyển tiền thuần trong năm

50

142.713.860.316

33.138.787.473

Tiền và tương đương tiền đầu năm

60

34.431.376.854

1.292.589.381

Tiền và tương đương tiền cuối năm

70

177.145.237.170

34.431.376.854



Hồ Sỹ Hoàng
Tổng Giám đốc

Nguyễn Duy Hưng
Kế toán trưởng

Ngày 03 tháng 3 năm 2011

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍ

Số 35D đường 30/4, thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500832971 ngày 26 tháng 11 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Vốn điều lệ của Công ty cổ phần là 300.000.000.000 VND, được chia thành 30.000.000 cổ phần phổ thông, mỗi cổ phần có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 901 (31 tháng 12 năm 2009: 721).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Xây dựng công nghiệp dân dụng;
- Xây dựng các công trình hạ tầng, cầu, cảng, đầu tư kinh doanh địa ốc, hạ tầng phụ trợ;
- Đầu tư xây dựng các cơ sở sản xuất công nghiệp, năng lượng, sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Đầu tư xây lắp các công trình chuyên ngành dầu khí; và
- Đầu tư xây dựng kinh doanh khu đô thị.

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kỷ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Công ty chính thức chuyển sang Công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 12 năm 2009, theo đó số liệu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 12 năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009 chỉ trình bày cho mục đích tham khảo, không phải là số liệu so sánh.

Công ty có cam kết góp vốn là 10.200.000.000 VND tương đương với 51% vốn điều lệ vào công ty con là Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật liệu xây dựng - PIC 7, Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật liệu xây dựng - PIC 7 đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vào ngày 6 tháng 12 năm 2010 và báo cáo tài chính được lập cho kỳ hoạt động đầu tiên là từ ngày 6 tháng 12 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011. Do đó, Công ty không lập báo cáo tài chính hợp nhất.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Công ty, tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty không có vật tư, hàng hóa tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất nên không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍ

Số 35D đường 30/4, thành phố Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2010	Kỳ hoạt động từ ngày 1/12/2009 đến ngày 31/12/2009
	Số năm	Số năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 12	5 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 10	5 - 10
Phương tiện vận tải	4 - 8	5 - 7
Thiết bị quản lý	3 - 10	3 - 7

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 50 năm.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ và linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng. (xem chi tiết dưới đây)

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Để đảm bảo tính thận trọng khi giá trị khối lượng hoàn thành có thể bị chủ đầu tư cắt giảm do công trình chưa được quyết toán chính thức giá trị với chủ đầu tư, doanh thu được ghi nhận theo tỷ lệ phần trăm của giá trị khối lượng công việc đã hoàn thành được chủ đầu tư xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D đường 30/4, thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (Tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Tiền mặt tại quỹ	450.078.791	1.385.325.908
Tiền gửi ngân hàng	131.695.158.379	33.046.050.946
Các khoản tương đương tiền (i)	45.000.000.000	-
	<u>177.145.237.170</u>	<u>34.431.376.854</u>

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới ba tháng tại Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí - Chi nhánh Vũng Tàu với lãi suất 9%/năm.

6. PHẢI THU THEO TIỀN ĐỘ HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Hợp đồng dở dang tại ngày kết thúc niên độ kế toán:		
Khoản phải thu từ khách hàng của hợp đồng đã bao gồm trong khoản phải thu người bán và phải thu khác	79.226.863.733	202.363.637.943
Khoản phải thu từ khách hàng của hợp đồng đã bao gồm trong khoản phải trả người bán và phải trả khác	-	-
	<u>79.226.863.733</u>	<u>202.363.637.943</u>
Chi phí hợp đồng xây dựng cộng lợi nhuận đã ghi nhận trừ các khoản lỗ đã ghi nhận lũy kế	1.696.089.376.781	202.363.637.943
Trừ: số đã phát hành hóa đơn theo tiến độ	1.616.862.513.048	-
	<u>79.226.863.733</u>	<u>202.363.637.943</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D đường 30/4, thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt NamBảo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	24.157.917.289	22.337.867.152
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	222.045.271.954	146.146.803.110
	<u>246.203.189.243</u>	<u>168.484.670.262</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện của hàng tồn kho	<u>246.203.189.243</u>	<u>168.484.670.262</u>

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2010	3.916.993.266	49.885.756.991	11.689.316.086	8.718.283.880	74.210.350.223
Tăng trong năm	2.080.341.699	25.731.777.464	1.516.119.755	3.844.457.471	33.172.696.389
- Mua sắm mới	-	25.717.491.748	-	3.554.880.910	29.272.372.658
- Đánh giá lại khi chuyển sang Công ty cổ phần	1.898.447.541	14.285.716	1.516.119.755	-	3.428.853.012
- Tăng khác	181.894.158	-	-	289.576.561	471.470.719
Giảm trong năm	430.488.807	4.798.734.888	145.368.888	2.485.010.266	7.859.602.849
- Thanh lý, nhượng bán	-	4.798.734.888	145.368.888	889.524.909	5.833.628.685
- Đánh giá lại khi cổ phần hóa	430.488.807	-	-	1.595.485.357	2.025.974.164
Tại ngày 31/12/2010	<u>5.566.846.158</u>	<u>70.818.799.567</u>	<u>13.060.066.953</u>	<u>10.077.731.085</u>	<u>99.523.443.763</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUY KẾ					
Tại ngày 01/01/2010	2.590.805.528	23.148.019.620	11.689.316.086	4.852.946.857	42.281.088.091
Tăng trong năm	1.071.254.910	5.153.482.139	2.218.420.083	1.200.443.892	9.643.601.024
- Trích vào chi phí	402.151.250	5.153.482.139	642.384.165	1.200.443.892	7.398.461.446
- Đánh giá lại khi chuyển sang Công ty cổ phần	669.103.660	-	1.576.035.918	-	2.245.139.578
Giảm trong năm	-	4.443.793.145	2.216.786.847	2.462.617.714	9.123.197.706
- Thanh lý, nhượng bán	-	3.983.903.023	145.368.888	886.581.796	5.015.853.707
- Đánh giá lại khi chuyển sang Công ty cổ phần	-	459.890.122	2.071.417.959	1.576.035.918	4.107.343.999
Tại ngày 31/12/2010	<u>3.662.060.438</u>	<u>23.857.708.614</u>	<u>11.690.949.322</u>	<u>3.590.773.035</u>	<u>42.801.491.409</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2010	<u>1.904.785.720</u>	<u>46.961.090.953</u>	<u>1.369.117.631</u>	<u>6.486.958.050</u>	<u>56.721.952.354</u>
Tại ngày 31/12/2009	<u>1.326.187.738</u>	<u>26.737.737.371</u>	<u>-</u>	<u>3.865.337.023</u>	<u>31.929.262.132</u>

Từ ngày 4 tháng 2 năm 2010, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thay đổi tỷ lệ khấu hao tài sản cố định hữu hình như trình bày tại Thuyết minh số 4. Ban Tổng Giám đốc tin rằng việc áp dụng tỷ lệ khấu hao mới sẽ phản ánh chính xác hơn hiệu suất sử dụng tài sản cố định của Công ty.

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 7.025.981.389 VND (31 tháng 12 năm 2009 là: 22.929.260.226 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D đường 30/4, thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt NamBảo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Khác VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2010	-
Nhận góp vốn từ Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	43.536.700.000
Tại ngày 31/12/2010	43.536.700.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUYỆN KẾ	
Tại ngày 01/01/2010	-
Khấu hao trong năm	395.441.634
Tại ngày 31/12/2010	395.441.634
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2010	43.141.258.366
Tại ngày 31/12/2009	-

Tài sản cố định vô hình tăng trong năm do nhận vốn góp từ Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC) theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp ngày 4 tháng 2 năm 2010 đã được Hội đồng Quản trị PVC phê duyệt tại Nghị quyết số 1138/NQXLDK ngày 30 tháng 12 năm 2009 về việc phê duyệt phương án xử lý đất đai phục vụ công tác chuyển đổi các Công ty TNHH MTV của PVC. Tài sản nhận góp vốn bao gồm quyền sử dụng đất tại 3 thửa đất: Thửa đất số 11 tại đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu với diện tích là 5.104,4 m² có giá trị sau khi đánh giá lại là 15.313.200.000 VND; thửa đất số 10 và 215 đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu với diện tích là 8.070,6 m² có giá trị sau khi đánh giá lại là 24.211.800.000 VND; thửa đất số 108 tại 242 Nguyễn Hữu Cánh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu với diện tích là 4.011,7 m² có giá trị sau khi đánh giá lại là 4.011.700.000 VND.

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật Liệu Xây dựng - PIC7	Vũng Tàu	51%	51%	Kinh doanh vật liệu xây dựng

Theo Quyết định số 183/QĐ-CNDD ngày 29 tháng 11 năm 2010, Hội đồng Quản trị đã thông qua phương án thành lập Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật liệu xây dựng - PIC 7 có vốn điều lệ là 20.000.000.000 VND, trong đó Công ty cam kết góp vốn là 10.200.000.000 VND tương đương với 51% vốn điều lệ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty đã thực hiện góp 6.120.000.000 VND, số vốn còn lại sẽ được góp trong năm 2011. Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật liệu xây dựng - PIC 7 đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3501743932 ngày 6 tháng 12 năm 2010 nhưng do kỳ kế toán đầu tiên của Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật liệu xây dựng - PIC 7 là từ ngày 6 tháng 12 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 nên tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty không lập báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍ

Số 35D đường 30/4, thành phố Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

Đầu tư vào công ty liên kết thể hiện giá trị phần vốn góp của Công ty vào Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Nam (nay là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn) để đầu tư và khai thác dự án “Kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư Phát triển đô thị khu vực 2 và 3”. Theo điều khoản của Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 09/2008/HĐHTKD/PVC-MN/PVC-IC/PVC-CM ký ngày 27 tháng 11 năm 2008 giữa ba bên là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Nam, Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí và Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí, Công ty sẽ góp vốn đầu tư với tỷ lệ 20% trên tổng giá trị hợp đồng là 206.500.000.000 VND; trong đó, số tiền Công ty phải góp giai đoạn 1 là 22.400.000.000 VND. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty đã góp vốn là 10.000.000.000 VND. Theo Nghị quyết số 204A/QĐ-CNDD ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng Quản trị Công ty, ngày 5 tháng 1 năm 2011 Công ty đã thu hồi lại khoản đầu tư này.

12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Đầu tư dài hạn khác	30.000.000.000	-
	<u>30.000.000.000</u>	<u>-</u>

Theo Quyết định số 148/QĐ-CNDD ngày 13 tháng 10 năm 2010, Hội đồng Quản trị đã thông qua việc Công ty tham gia góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam (PV-PIPE) có vốn điều lệ là 500.000.000.000 VND, để thực hiện dự án Nhà máy Sản xuất Ống thép hàn thẳng tại Khu căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai Bến Đình, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, với mức vốn góp là 75.000.000.000 VND, tương ứng 15% vốn điều lệ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty đã góp 30.000.000.000 VND, số vốn còn lại sẽ được góp đủ trong năm 2011.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Công cụ dụng cụ, giàn giáo xuất dùng	28.490.106.224	6.647.506.111
	<u>28.490.106.224</u>	<u>6.647.506.111</u>

14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	-	30.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	86.022.378.150	-
	<u>86.022.378.150</u>	<u>30.000.000.000</u>

Vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 thể hiện khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 100.000.000.000 VND. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo, lãi suất được quy định trong từng khế ước nhận nợ từ 12%/năm đến 15%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D đường 30/4, thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	21.595.642.459	15.455.555.473
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.002.460.982	842.948.824
Thuế thu nhập cá nhân	694.408.091	454.129.161
	<u>27.292.511.532</u>	<u>16.752.633.458</u>

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Công trình - Nhà máy Lọc dầu Dung Quất trước 2007	-	4.855.099.071
Công trình - San lấp mặt bằng Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2	488.570.318	2.030.948.336
Công trình - Kênh xả Nhà máy Điện Nhơn Trạch 1	-	253.227.276
Công trình - Kho trung chuyển Miền Trung Tây Nguyên	250.000.000	250.000.000
Công trình - Trạm phân phối khí Hiệp Phước	-	2.063.151.195
Công trình - Gói thầu Xây lắp 9	12.476.077.720	13.381.416.795
Công trình - Xây dựng Nhà Điều hành Dinh Cố	-	414.449.300
Công trình - Dự án Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2	17.050.000.000	-
Công trình - Nhà trẻ, Mẫu giáo Trà My Petrosetco	545.614.550	-
Công trình - Mở rộng khách sạn Đà Lạt - VSP	12.467.532.467	-
	<u>43.277.795.055</u>	<u>23.248.291.973</u>

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (i)	25.616.483.309	54.526.805.011
Tạm ứng cổ tức năm 2010 trả cho các cổ đông khác	23.520.000.000	-
Tiền bán cổ phần đã nhận của cổ đông	-	23.958.485.335
Lãi vay dự trả	869.875.005	-
Kinh phí công đoàn	728.417.573	19.001.103
Phải trả, phải nộp khác	548.311.716	111.980.745
	<u>51.283.087.603</u>	<u>78.616.272.194</u>

(i) Thể hiện các khoản phải trả, bao gồm:

- Tạm trích chi trả cổ tức năm 2010 là 16% trên vốn điều lệ với số tiền là 24.480.000.000 VND theo Nghị quyết Đại hội cổ đông bất thường số 191/NQ-ĐHĐCĐ/CNDD ngày 9 tháng 12 năm 2010, tương ứng với tỷ lệ vốn góp của PVC là 51% vốn điều lệ.
- Các khoản phải trả khác là 1.136.483.309 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍ

Số 35D đường 30/4, thành phố Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG**

	Dự phòng bảo hành công trình VND
Tại ngày 01/01/2010	7.127.485.925
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	17.406.975.938
Hoàn nhập dự phòng	3.640.732.582
Các khoản dự phòng đã sử dụng	217.641.716
Tại ngày 31/12/2010	20.676.087.565

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Chi tiết:		
Nợ dài hạn	20.676.087.565	7.127.485.925
	20.676.087.565	7.127.485.925

Các khoản dự phòng bảo hành công trình là ước tính chính xác nhất của Ban Tổng Giám đốc về khoản nợ phải trả cho thời hạn bảo hành 24 tháng mà Công ty áp dụng đối với các công trình công ty đã hoàn thành trên cơ sở kinh nghiệm của Công ty về xác suất các công trình gặp phải sự cố sau thời điểm nghiệm thu bàn giao.

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại ngày 01/12/2009	-	-	-	-	-
Tăng vốn trong kỳ	50.000.000.000	-	-	-	50.000.000.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	2.528.846.471	2.528.846.471
Tại ngày 01/01/2010	50.000.000.000	-	-	2.528.846.471	52.528.846.471
Tăng vốn trong năm	250.000.000.000	-	-	-	250.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	67.508.943.487	67.508.943.487
Tăng khác	-	-	-	421.474.412	421.474.412
Tạm chia cổ tức (i)	-	-	-	(48.000.000.000)	(48.000.000.000)
Trích lập các quỹ (i)	-	7.045.926.437	3.522.963.219	(16.135.171.541)	(5.566.281.885)
Tại ngày 31/12/2010	300.000.000.000	7.045.926.437	3.522.963.219	6.324.092.829	316.892.982.485

- (i) Tạm chia cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 191/NQ-ĐHĐCĐ/CNDD ngày 9 tháng 12 năm 2010 và Quyết định số 10/QĐ-CNDD ngày 14 tháng 1 năm 2011 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị về việc "Tạm phê duyệt tỷ lệ chia cổ tức và trích lập các quỹ của Công ty", cụ thể: trong thời gian chờ Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua, Hội đồng Quản trị tạm thời phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2010 như sau: Chia cổ tức 16% vốn điều lệ; trích 5% quỹ khen thưởng; trích 2,5% quỹ phúc lợi; trích 5% quỹ dự phòng tài chính; trích 10% quỹ đầu tư phát triển; trích 0,4% quỹ thưởng Ban quản lý điều hành. Hội đồng Quản trị trình phương án phân phối lợi nhuận của Công ty trước Đại hội cổ đông thường niên để Đại hội chính thức phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D đường 30/4, thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Vốn điều lệ và vốn đầu tư**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, tổng vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty đều là 300.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp đến ngày	
	VND	%	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	153.000.000.000	51%	153.000.000.000	50.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Bất động sản	30.000.000.000	10%	30.000.000.000	-
Các cổ đông khác	117.000.000.000	39%	117.000.000.000	-
	300.000.000.000	100%	300.000.000.000	50.000.000.000

20. DOANH THU

	2010 VND	Kỳ hoạt động từ 01/12/2009 đến 31/12/2009 VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	1.696.089.376.781	93.192.374.890
Doanh thu bán bê tông	4.924.306.574	314.392.862
Doanh thu cung cấp dịch vụ	217.730.700	36.000.000
	1.701.231.414.055	93.542.767.752

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2010 VND	Kỳ hoạt động từ 01/12/2009 đến 31/12/2009 VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	1.538.397.882.716	85.158.186.266
Giá vốn bán bê tông	4.461.614.528	282.953.576
Giá vốn cung cấp dịch vụ	121.658.699	-
	1.542.981.155.943	85.441.139.842

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2010 VND	Kỳ hoạt động từ 01/12/2009 đến 31/12/2009 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.770.688.729	39.577.512
	10.770.688.729	39.577.512

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍ

Số 35D đường 30/4, thành phố Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. LỢI NHUẬN KHÁC**

		Kỳ hoạt động từ 01/12/2009 đến 31/12/2009
	2010	
	VND	VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	3.839.181.819	-
Điều chỉnh giảm chi phí trích trước công trình Nhà máy		
Lọc dầu Dung Quất	3.027.575.860	-
Kết chuyển chi phí bảo hành Công trình San lấp Cảng		
Sao Mai Bến Đình	1.601.438.503	-
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	218.552.814	-
Các khoản thu nhập khác	671.231.731	164.189.030
Thu nhập khác	9.357.980.727	164.189.030
Giảm doanh thu do quyết toán của các công trình	13.084.798.744	-
Chi phí thanh lý tài sản cố định	817.774.978	-
Các khoản chi phí khác	478.970.867	-
Chi phí khác	14.381.544.589	-
Lợi nhuận khác	(5.023.563.862)	164.189.030

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

		Kỳ hoạt động từ 01/12/2009 đến 31/12/2009
	2010	
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	90.011.924.649	3.371.795.295
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Thu nhập chịu thuế	90.011.924.649	3.371.795.295
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.502.981.162	842.948.824
	22.502.981.162	842.948.824

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍ

Số 35D đường 30/4, thành phố Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2010	Kỳ hoạt động từ 01/12/2009 đến 31/12/2009
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	67.508.943.487	2.528.846.471
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu cơ bản	26.301.370	5.000.000
	2.567	506

26. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty có các Hợp đồng cam kết mua máy móc thiết bị và phương tiện vận tải như sau:

- Hợp đồng số 28/MNC/PVC-IC/10 mua 01 Cầu tháp 8 tấn và 01 Cầu tháp 10 tấn của Công ty TNHH Minh Chi với trị giá là 9.799.000.000 VND.

- Hợp đồng số 341/HĐKT-CNDD mua xe tải 15 gắn cầu 12 tấn của Công ty TNHH LEXIM với trị giá là 2.850.000.000 VND.

- Hợp đồng số 342/HĐKT-CNDD mua máy đào bánh lốp gầu 0.7m³ của Công ty TNHH LEXIM với trị giá là 2.184.000.000 VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty còn có các khoản cam kết góp vốn như sau:

- Góp vốn vào Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật liệu xây dựng - PIC 7 theo Quyết định số 183/QĐ-CNDD ngày 29 tháng 11 năm 2010 của Hội đồng Quản trị với số tiền là 4.080.000.000 VND.

- Góp vốn vào Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí (PV-PIPE) theo Quyết định số 148/QĐ-CNDD ngày 13 tháng 10 năm 2010 của Hội đồng Quản trị với số tiền là 45.000.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D đường 30/4, thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

		Kỳ hoạt động từ 01/12/2009 đến 31/12/2009
	2010	
	VND	VND
Thi công các công trình xây lắp		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	60.664.134.767	78.752.724
BQL Dự án Nhà máy Điện Nhơn Trạch - PVC	116.596.474.450	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	750.585.991	3.373.741.582
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	73.114.836.020	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	208.132.242.254	10.210.588.229
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	86.289.771.013	-
Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Việt-Xô	488.947.006.551	22.517.027.490
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	143.512.008.902	44.656.114.663
Công ty TNHH Một thành viên - Tổng Công ty Khí Việt Nam	272.343.524.866	11.229.313.302
Công ty Cổ phần Phân đạm & Hóa chất Dầu khí	80.181.115.537	163.296.401
Ban Quản lý Khí Điện đạm Cà Mau	1.806.401.465	2.366.000.000
Công ty Chế biến khí Vũng Tàu	-	6.750.072.800
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	4.697.205.079	826.366.011
Tổng Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hoá lỏng Miền Nam	1.385.430.099	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình	91.028.183.510	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	18.365.981.818	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí - PTSC	29.823.492.207	-
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	906.179.091	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí	30.718.447	-
Công ty TNHH MTV Tư vấn Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí 2	2.790.822.339	-
Cung cấp hàng hoá, dịch vụ		
Công ty TNHH Dịch vụ Cơ khí Hàng hải - PTSC	4.124.876.000	206.890.000
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	17.280.000	-
Xí nghiệp Công trình Dầu khí - PVE	18.835.000	-
Công ty Cổ phần Thiết bị nội ngoại thất Dầu khí	1.087.322.300	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍ

Số 35D đường 30/4, thành phố Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Báo cáo tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:

	2010	Kỳ hoạt động từ 01/12/2009 đến 31/12/2009
Mua hàng hoá, dịch vụ		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	26.913.495.830	2.809.866.711
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	115.674.495	11.628.933.894
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư & Thiết kế Dầu khí	2.732.169.302	-
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim - PVC	6.273.243.577	-
BQL Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch - PVC	325.815.508	-
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	214.409.862	-
Công ty Cảng dịch vụ Dầu khí - PTSC	1.542.380.912	258.739.672
Công ty TNHH Khách Sạn Dầu khí - PTSC	925.375.908	12.123.300
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam - Cổ phần		
Công ty Bảo hiểm Dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh	19.237.727	4.211.000
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam - Công ty		
Bảo hiểm Dầu khí Vũng Tàu	582.525.418	-
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi		
nhánh Vũng Tàu	3.101.300.387	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	200.524.545	-
Tổng Công ty Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	33.379.835	-
Xí nghiệp Liên doanh Việt-Xô - Khách sạn VSP Đà Lạt	157.672.164	-
Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí (PVC-CM)	-	189.746.364
Công ty Chế biến Khí Vũng Tàu	6.368.268	-
Công ty TNHH MTV Máy Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	29.139.380.205	-
Công ty TNHH MTV Máy Thiết bị Dầu khí Vũng Tàu	6.109.090.909	-
Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng và Đô thị Dầu khí	154.545.455	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	42.654.545	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí - Chi nhánh Thành phố		
Hồ Chí Minh	214.409.862	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Dầu khí Việt Nam	802.472.500	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D đường 30/4, thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Phải thu khách hàng		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	31.263.342	6.873.557.640
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	10.139.500.832	1.274.173.233
Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí	10.670.594.445	
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	20.166.324	17.296.224
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng & Đô thị Dầu khí	41.255.836.191	774.251.646
BQL Dự án Nhà máy Điện Nhơn Trạch - PVC	14.865.641.626	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	29.244.706.251	-
Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Việt-Xô	-	5.455.639.436
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình	20.026.200.372	19.466.615.700
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	28.436.106.703	-
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Khí Việt nam	7.719.623.532	24.673.734.857
Công ty Chế biến khí Vũng Tàu	295.051.626	1.208.011.036
Công ty Cổ phần Kinh doanh khí hoá lỏng Miền Nam	-	185.400.969
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	771.227.526	51.007.535.141
Tổng Công ty Cổ phần Phân đạm & Hóa chất Dầu khí - Ban	578.367.869	6.111.413.273
Quản lý Đầu tư Xây dựng		
Ban Quản lý Khí điện Đạm Cà mau	1.281.407.534	1.963.895.564
Cty TNHH MTV Tư vấn Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí 2	-	11.192.702.337
Công ty TNHH Dịch vụ Cơ khí Hàng hải - PTSC	2.575.838.100	456.828.600
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí - Ban quản lý		
Đầu tư Xây dựng	3.023.112.077	563.300.552
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	-	130.353.933
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	14.001.712.487	17.725.763.200
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	10.101.290.030	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí	-	774.251.646

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍ

Số 35D đường 30/4, thành phố Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư với các bên liên quan (Tiếp theo):

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Phải trả người bán		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	6.127.866.334	5.024.131.799
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	50.056.023	13.888.456.523
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư & Thiết kế Dầu khí (PVE)	1.286.687.021	-
Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí (PVC-CM)	-	2.346.206.279
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	-	2.135.301.026
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim	590.381.935	-
Cán bộ Công nhân viên Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp & Dân dụng Dầu khí	1.107.333.279	-
Công ty TNHH Khách Sạn Dầu khí - PTSC	39.617.193	12.729.465
Công ty Bảo hiểm Dầu Khí Vũng Tàu - PVI	10.536.200	4.632.100
Trung tâm An toàn & Môi trường Dầu khí	150.000.000	150.000.000
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	207.756.148	-
Công ty Cổ phần Chế tạo giàn khoan Dầu khí	41.314.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	36.718.819	-
Công ty TNHH MTV máy Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	12.214.229.192	-
Công ty Cảng dịch vụ Dầu khí - PTSC	436.354.012	284.613.639
Người mua trả tiền trước		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	-	1.509.267.355
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	-	1.296.033.836
Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Việt-Xô	-	63.655.200.536
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	3.218.255.847	82.492.088.321
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Khí	17.261.721.200	14.171.140.800
Tổng Công ty Cổ phần Phân đạm & Hóa chất Dầu khí	20.881.361.773	20.000.000.000
Ban Quản lý Dự án Khí điện đạm Cà Mau	-	886.682.076
Công ty TNHH MTV Tư vấn Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí 2	5.719.440	6.073.002.068
Công ty Chế biến khí Vũng Tàu	37.357.800.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí	18.802.161.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	4.983.745.140	-
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	1.379.843.176	-
Các khoản vay		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	-	30.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍ

Số 35D đường 30/4, thành phố Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)****Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc**

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Kỳ hoạt động từ 01/12/2009 đến	
	2010 VND	31/12/2009 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	2.732.655.781	1.972.944.500
	<u>2.732.655.781</u>	<u>1.972.944.500</u>

28. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Công ty đang chứa đựng các rủi ro về sự biến động giá thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Công ty không thể lượng hóa được sự ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

29. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán. Do Công ty chính thức được chuyển sang công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 12 năm 2009, do đó số liệu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 12 năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009 không phải là số liệu so sánh, được trình bày cho mục đích tham khảo.

Hồ Sỹ Hoàng
Tổng Giám đốc

Ngày 03 tháng 3 năm 2011



Nguyễn Duy Hưng
Kế toán trưởng